

| Thà | Thành Tiền                                                                          | Thành Tiền                                                                                                                                                                                                                                                                             | DVT        | SL | Thành Tiền | Thành Tiền |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|----|------------|------------|
|     |    | <b>Model: JKM620W-72HL4-BDV</b><br><b>Công nghệ: N-type TOPcon</b><br><b>Hiệu suất: 22.84%</b><br><b>Kích thước: 2278×1134×30 mm</b><br><b>Trọng lượng: 31.0 kg</b><br><b>Bảo hành vật lý: 15 năm</b>                                                                                  | <b>Tấm</b> | 12 | 2,400,000  | 28,800,000 |
|     |  | <b>Model: X1-HYB-6.0-LV</b><br><b>Công suất: 6 kW</b><br><b>Công suất max PV: 12 kWp</b><br><b>Dòng sạc, xả max: 120 A</b><br><b>Số MPPT/ String: 2 MPPT (1+1)</b><br><b>Khối lượng: 17.3 Kg</b><br><b>Kích thước: 397 x 490 x 201 mm</b><br><b>Bảo hành: 7 năm</b>                    | <b>Bộ</b>  | 1  | 25,500,000 | 25,500,000 |
|     |  | <b>Dung lượng: 14,336 kWh</b><br><b>Điện áp: 51,2V-280Ah</b><br><b>Tiêu chuẩn IP20</b><br><b>Công suất xả xả liên tục (max) 140A (200A)</b><br><b>Truyền thông: CAN2.0/RS485/Wifi/LAN</b><br><b>IP54 trọng lượng 114kg</b><br><b>Cell LFP &gt;8000 cycles</b><br><b>Bảo hành 7 Năm</b> | <b>Bộ</b>  | 1  | 42,000,000 | 42,000,000 |
|     | <b>Hệ Thống Tủ Điện</b>                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                        |            |    |            |            |

|  |                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                   |            |     |           |           |
|--|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-----|-----------|-----------|
|  |    | <b>Tủ điện (AT,AC,DC,ATS<br/>Chống sét AC,DC....</b>                                                                                                                                                                                                                              | <b>Bộ</b>  | 1   | 4,500,000 | 4,500,000 |
|  |    | <b>Dây DC kết nối tấm pin mặt trời<br/>LEADER đỏ 1x4mm<br/>Phạm vi nhiệt độ: -40 C +_ 90 C<br/>Dòng điện định mức 50A<br/>Điện áp định mứcDC1800V<br/>Cách nhiệt kép<br/>Khả năng chống tia UV, ánh sáng mặt trời,mưa<br/>Khả năng chống mái mòn cao<br/>Tiêu chuẩn TUV và UL</b> | <b>mét</b> | 120 | 18,000    | 2,160,000 |
|  |    | <b>Dây AC kết nối tủ điện với lưới điện<br/>CADISUN<br/>Điện áp sử dụng:300/500V và 450-750V<br/>Số sợi : 80<br/>Đường kính sợi 0.30</b>                                                                                                                                          | <b>mét</b> | 10  | 21,000    | 210,000   |
|  |   | <b>Dây tiếp địa CADISUN<br/>Mặt cắt ngang 1x6.0mm<br/>Ruột dẫn: Đồng ủ mềm trong môi trường khí trơ<br/>Kết cấu : Nhiều sợi bên tròn cấp 5 cấp 6</b>                                                                                                                              | <b>mét</b> | 50  | 21,000    | 1,050,000 |
|  |  | <b>Cọc Tiếp Địa Đồng Vàng Đặc</b>                                                                                                                                                                                                                                                 | <b>Cái</b> | 2   | 750,000   | 1,500,000 |
|  |  | <b>Kẹp Cáp Bằng Đồng Đặc</b>                                                                                                                                                                                                                                                      | <b>Cái</b> | 2   | 30,000    | 60,000    |
|  |                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                   |            |     |           |           |
|  |  | <b>-Vật liệu nhôm A6005-T6</b>                                                                                                                                                                                                                                                    | <b>Cái</b> |     |           | 2,250,000 |

|                                 |                                                                                   |                                                                                                                |  |    |        |             |
|---------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|----|--------|-------------|
|                                 |  | Ruột Gà Lối Vỏ Cao Su Ruột Thép                                                                                |  | 70 | 25,000 | 1,750,000   |
|                                 |                                                                                   | Dây thít nhựa,MC4 , keo , vít.....                                                                             |  |    |        | 900,000     |
|                                 |                                                                                   | CHI PHÍ VẬN CHUYỂN - NHÂN CÔNG                                                                                 |  |    |        |             |
|                                 |  | chi phí nhân công, quản lý dự án,<br>chi phí công trình, bảo hành<br>bảo trì hệ thống,chuyển giao công<br>nghệ |  |    |        | 6,000,000   |
|                                 |                                                                                   |                                                                                                                |  |    |        | 116,680,000 |
| <b>Ghi chú:</b>                 |                                                                                   |                                                                                                                |  |    |        |             |
| <b>Báo giá chưa bao gồm VAT</b> |                                                                                   |                                                                                                                |  |    |        |             |
|                                 | Cam kết bảo đảm tất cả các thiết bị vật tư đều CHÍNH HÃNG, mới 100%.              |                                                                                                                |  |    |        |             |
|                                 | Theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất                                                  |                                                                                                                |  |    |        |             |
|                                 | Có giá trị trong vòng 15 ngày kể từ ngày báo giá.                                 |                                                                                                                |  |    |        |             |
|                                 | Thỏa thuận trực tiếp trên cơ sở công việc thực tế phát sinh.                      |                                                                                                                |  |    |        |             |
|                                 | Lần 1: Tạm ứng 75% sau khi ký hợp đồng , <b>Bảo Hành 1 Năm Lắp Đặt</b>            |                                                                                                                |  |    |        |             |
|                                 | Lần 2 : Nghiệm thu công trình thanh toán 25% còn lại                              |                                                                                                                |  |    |        |             |

*Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn quý khách đã tin tưởng và quan tâm đến giải pháp của SOLAR!*

**Chịu trách nhiệm dự án**







Model: X1-HYB-6.0-LV

Công suất: 6 kW

Công suất max PV: 12 kWp

Dòng sạc, xả max: 120 A

Số MPPT/ String: 2 MPPT (1+1)

Khối lượng: 17.3 Kg

Kích thước: 397 x 490 x 201 mm



